TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DSPT
Ngày: 25 – 4 – 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hồ Tuấn Anh.

- *Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Văn Nghĩa.
Bà Võ Thị Hồng Thu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định***: Ông Đặng Xuân Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Lương Văn N, bà Nguyễn Thị Á; Cùng cư trú tại: Thôn P, xã C, huyện Ph, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Vợ chồng ông Lương Q, bà Võ Thị Ng; Cùng cư trú tại: Thôn A, xã C, huyện Ph, tỉnh Bình Định.

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Lương Q bà Võ Thị Ng – Bị đơn.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn vợ chồng ông Lương Văn N bà Nguyễn Thị Á trình bày:

Ngày 25.6.2007, vợ chồng ông Lương Q bà Võ Thị Ng nhờ vợ chồng ông bà vay 10.000.000 đồng với lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Vì lãi suất thấp vợ chồng ông Q chỉ trả lãi không trả gốc, sau một thời gian chủ cho vay đòi tăng lãi suất 2%/tháng nhưng ông Q không chịu trả. Vì chỗ anh em họ

hàng, vợ chồng ông bà trả nợ thay cho chủ vay và ông bà cùng vợ chồng ông Q thống nhất chuyển số nợ 10.000.000 đồng sang thành nợ vợ chồng ông bà cũng với lãi suất 1,5%/tháng. Ngày 12.7.2010, vợ chồng ông Q vay tiếp của ông bà 10.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm (trong đó 5.000.000 đồng nợ từ năm 2005 và 5.000.000 đồng mới vay tiếp), tính đến ngày 25.9.2011 là hơn 13 tháng, lãi được tính 10.000.000 đồng x 20%/năm x 13 tháng = 2.200.000 đồng.

Ngoài ra, cộng với lãi suất vay từ thời điểm 25.6.2007 đến 25.9.2011 là 4 năm 3 tháng = 51 tháng lãi suất được tính là 150.000 đồng/tháng x 51 tháng x 10.000.000 đồng = 7.650.000 đồng. Vợ chồng ông Q đã trả được 31 tháng lãi = 4.650.000 đồng còn 20 tháng lãi = 3.000.000 đồng vợ chồng ông Q chưa trả. Như vậy, tính đến ngày 25.9.2011 vợ chồng ông Q còn nợ 25.200.000 đồng tiền gốc lãi vay (trong đó 20.000.000 đồng tiền gốc vay của 02 lần vay và 5.200.000 đồng tiền lãi vay của 02 lần vay). Vợ chồng ông Q viết giấy vay khoản tiền 25.200.000 đồng cho vợ chồng ông bà vào ngày 25.9.2011. Tính từ ngày 25.9.2011 đến ngày 25.9.2013 lãi suất 02 bên thỏa thuận là 2,3%/tháng được tính là 2,3% x 25.200.000 đồng x 24 tháng = 14.000.000 đồng (làm tròn số) nhưng vì vợ chồng ông Q cố tình kéo dài không chịu trả gốc lãi vay nên 02 bên thống nhất tính lãi suất 2%/tháng đối với số tiền 25.200.000 đồng, tính lãi 1%/tháng đối với số tiền 14.000.000 đồng nhằm mục đích tạo điều kiện cho vợ chồng ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến cuối năm 2016 vợ chồng ông Q vẫn chưa trả gốc và lãi nên tiếp tục tính lãi là 25.200.000 đồng x 2%/tháng x 39 tháng = 19.650.000 đồng (tiền lãi gốc) và tính lãi đối với số tiền lãi 14.000.000 đồng x 1%/tháng x 39 tháng = 5.460.000 đồng. Như vậy, tính đến cuối năm 2016 vợ chồng ông Q còn nợ tổng cộng số tiền 64.316.000 đồng (25.200.000 đồng + 14.000.000 đồng + 19.650.000 đồng + 5.460.000 đồng).

Ngày 01.01.2017 vợ chồng ông bà tiếp tục đòi nợ, vợ chồng ông Q yêu cầu khoanh nợ không tính lãi nữa và thống nhất trả số tiền 64.316.000 đồng. Vợ chồng ông Q viết giấy nợ cùng ngày hẹn trả trong thời gian 02 năm, cụ thể năm 2017 trả 30.000.000 đồng, năm 2018 trả 34.000.000 đồng sau đó trả tiếp 05 chỉ vàng y theo giấy mượn vàng năm 2010 nhưng từ đó đến nay vợ chồng ông Q không trả. Vì vậy, ông bà yêu cầu vợ chồng ông Q trả dứt điểm số tiền, vàng nói trên theo giấy hẹn nợ ngày 01.01.2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông bà thống nhất số tiền gốc cho vợ chồng ông Q vay trong 02 lần vay là 20.000.000 đồng.

Bị đơn vợ chồng ông Lương Q, bà Võ Thị Ng trình bày:

Cách đây khoảng 20 năm ông bà có nhờ vợ chồng ông Lương Văn N, bà Nguyễn Thị Á vay hộ 5.000.000 đồng. Năm 2005 vợ chồng ông bà chuyển nhượng cho vợ chồng ông N ½ rẫy đào với giá 35.000.000 đồng. Hai bên đã cấn trừ xong số nợ 33.000.000 đồng. Ông N còn đưa lại cho vợ chồng ông 7.000.000 đồng. Lý do ông bà viết giấy nhận nợ vào năm 2007, 2010, 2011, 2013 và ngày 01.01.2017 là vì vợ chồng ông N đe dọa sẽ thuê xã hội đen giết vợ chồng ông bà. Ông bà không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông N vì ông bà đã thanh toán hết nợ cho vợ chồng ông N.

Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 29.11.2018 của Tòa án nhân dân huyện Ph đã xử:

Chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Lương Văn N, bà Nguyễn Thị Á. Buộc vợ chồng ông Lương Q, bà Võ Thị Ng phải trả cho vợ chồng ông N, bà Á số tiền 38.831.000 đồng và 05 chỉ vàng y (24K).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11.12.2018 bị đơn vợ chồng ông Lương Q, bà Võ Thị Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý trả 38.831.000 đồng và 05 chỉ vàng y (24K) cho vợ chồng ông N bà Á. Ngoài ra, vợ chồng ông Q bà N yêu cầu đưa vợ chồng ông Trần Gi là người mua bán rẫy của vợ chồng ông N bà Á tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Lương Q bà Võ Thị Ng; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vợ chồng ông Q bà Ng kháng cáo không đồng ý trả 38.831.000 đồng và 05 chỉ vàng y (24K) cho vợ chồng ông N bà Á với lý do năm 2005 vợ chồng ông bà đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông N ½ rẫy đào tục danh Gò D – Suối Ch – Hóc L (không xác định được số thửa, tờ bản đồ) tại thôn A, xã C, huyện Ph, tỉnh Bình Định với giá 35.000.000 đồng, hai bên có viết hợp đồng chuyển nhượng rẫy vào ngày 09.10.2005 và cấn trừ nợ còn lại vợ chồng ông N giao cho vợ chồng ông bà 7.000.000 đồng nhưng không viết giấy tờ cấn trừ nợ nên ông bà không còn nợ vợ chồng ông N. Xét kháng cáo của vợ chồng ông Lương Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng chuyển nhượng rẫy ngày 09.10.2005 giữa các bên không thể hiện việc cấn trừ nợ, vợ chồng ông N bà Á không thừa nhận và cho rằng Hợp đồng chuyển nhượng rẫy ngày 09.10.2005 được thực hiện vào năm 2005 (trước thời điểm vợ chồng ông Q bà N vay và viết các Giấy vay tiền ngày 25.6.2007, ngày 12.7.2010 âm lịch, ngày 22.8.2010 dương lịch, ngày 25.9.2011 dương lịch và ngày 01.01.2017 âm lịch). Vợ chồng ông Q thừa nhận các Giấy vay nêu trên là do ông Q viết và vợ chồng cùng ký, riêng Giấy vay đề ngày 25.6.2007 do con dâu của ông bà là Nguyễn Thị Th viết và ký thay ông Q, bà Ng cũng ký tên nhưng vợ chồng ông Quai cho rằng việc viết và ký tên trong các giấy nợ là do ông bà bị vợ chồng ông N đe dọa thuê xã hội đen giết nhưng vợ chồng ông N không thừa nhận. Ông Q bà Ng không có chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được.

Căn cứ vào các Giấy vay tiền ngày 25.6.2007, ngày 12.7.2010 âm lịch, ngày 22.8.2010 dương lịch, ngày 25.9.2011 dương lịch và ngày 01.01.2017 âm lịch thì đây là hợp đồng vay tài sản, có thời hạn, có lãi suất được quy định tại các Điều 478, 361 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N bà Á thống nhất số tiền gốc cho vợ chồng ông Q vay trong 02 lần vay là 20.000.000 đồng (năm 2007 vay 10.000.000 đồng, năm 2010 vay 10.000.000 đồng). Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và căn cứ vào Quyết định số 2868/2010/QĐ-NHNN ngày 29.11.2010 của Ngân hàng Nhà nước để tính lại lãi suất đối với lãi suất vay do các bên thỏa thuận vượt quá quy định và tuyên buộc vợ chồng ông Q phải trả cho vợ chồng ông N 38.831.000 đồng (tiền vay gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi 18.831.000 đồng) là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, theo Giấy mượn vàng ngày 22.8.2010 vợ chồng ông Q có mượn của vợ chồng ông N 10 chỉ vàng 98%. Ông Q cho rằng đã trả xong số vàng này cho ông N (năm 2011 trả 05 chỉ, năm 2015 trả 05 chỉ) nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, ông N thừa nhận vợ chồng ông Q đã trả 05 chỉ còn lại nợ 05 chỉ nên yêu cầu vợ chồng ông Q tiếp tục trả 05 chỉ vàng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông Q phải trả cho vợ chồng ông N 05 chỉ vàng y (24K) là có căn cứ.

[2] Vợ chồng ông Q bà Ng kháng cáo yêu cầu đưa vợ chồng ông Trần Gi (là người mua bán rẫy của vợ chồng ông N bà Á) tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng xét thấy đây là quan hệ khác không liên quan đến hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng ông N với vợ chồng ông Q nên vợ chồng ông Gi chỉ được xác định là người làm chứng trong vụ án nên yêu cầu của vợ chồng ông Q là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 vợ chồng ông Q bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của vợ chồng ông Q không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 ông Q bà Ng phải chịu 300.000 đồng.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 361, 368, 370, 371, 474, 476 và 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí

Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12. Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Lương Q bà Võ Thị Ng; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Buộc vợ chồng ông Lương Q bà Võ Thị Ng phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Lương Văn N bà Nguyễn Thị Á 38.831.000 đồng (ba mươi tám triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn) và 05 (năm) chỉ vàng y (24K).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng ông Q bà Ng phải chịu 2.766.550 đồng.

- Vợ chồng ông Lương Văn N bà Nguyễn Thị Á được nhận lại 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004048 ngày 14.9.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông Lương Quai bà Võ Thị Nga phải chịu 300.000 đồng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004117 ngày 19.12.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Ph;
- Chi cục THADS huyện Ph;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh